

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm và ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 248/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1991.

HKTT: Khu dân cư số 1, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại Khu dân cư số 5, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**- sinh năm 1981. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư số 1, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Cộng hòa dân chủ Công-gô, Trung Châu Phi.

3. Người được chị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Vũ Thị Ch, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu dân cư Tr, phường Đ, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Huệ, huyện Ch (nay là thành phố Ch, tỉnh Hải Dương) ngày 28/12/2009. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình anh H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm, anh H chơi bời gây thất thoát kinh tế, không quan tâm và trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 3/2022 anh H đi lao động tại Cộng hòa dân chủ Công-gô, Trung Châu Phi, vợ chồng ít liên lạc nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/01/2011 và H, sinh ngày 11/4/2019, hiện các con chung đều đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, chị làm buôn bán thức ăn chăn nuôi với mức thu nhập hàng tháng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, chị có chỗ ăn ở ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Văn Th có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Trần Thị Th.

Tại lời khai của bà Y (mẹ đẻ anh H) thể hiện: Anh H hiện đang sinh sống tại Cộng hòa dân chủ Công-gô, Trung Châu Phi, gia đình bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là do vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng về quan điểm sống, từ khi anh H đi nước ngoài thì vợ chồng không quan tâm và liên lạc với nhau. Nay chị Th có đơn ly hôn anh H, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình bà Yến cũng thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại và đã thông báo cho anh H biết việc chị Th khởi kiện ly hôn, giải quyết về con chung. Anh H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án đã trao đổi với bà Y qua điện thoại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Th, anh H ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Th và anh H kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng anh chị, nH qua nắm bắt thông tin từ gia đình thì anh chị mâu thuẫn về kinh tế, quan điểm sống. Đến năm 2022, anh H đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng mỗi người một nơi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị Th có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Anh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/01/2011 và H, sinh ngày 11/4/2019 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh khu dân cư số 1, phường Ph, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Cộng hòa dân chủ Công-gô, Trung Châu Phi, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và gia đình anh H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Yên vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh H biết việc chị Th đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh H biết nội dung các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai, chị Th có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Huệ, huyện Ch (nay là thành phố Ch, tỉnh Hải Dương) ngày 28/12/2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế gia đình. Kể từ thời điểm anh H đi nước ngoài, vợ chồng cũng không liên lạc và có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Thông qua gia đình, anh H biết việc chị Th có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con chung, tuy nhiên anh H không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án mà chỉ liên lạc qua điện thoại với người thân, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh qua lời khai của các đương sự, đại diện gia đình và chính quyền địa phương nơi các đương sự sinh sống. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Th ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/01/2011 và H, sinh ngày 11/4/2019. Hiện đang ở với chị Th. HĐXX xét thấy, anh H hiện không có mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, con chung Nguyễn Văn Th có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Mặt khác, chị Th có công việc, thu nhập và chỗ ăn ở ổn định ở Việt Nam. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của các con, HĐXX chấp nhận giao hai con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con. Nếu có căn cứ cho rằng chị Th không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh H có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn (nếu có) theo quy định của pháp luật và được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Th** ly hôn anh **Nguyễn Văn H**.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 28/01/2011 và H, sinh ngày 11/4/2019 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Văn H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Vũ Thị Chang đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001669 ngày 11 tháng 10 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nhân Huệ, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân